

Số: 213 /QĐ-THPTXTB

Xuân Trường, ngày 15 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ, giao dự toán chi NSNN năm 2026
để hỗ trợ kinh phí tổ chức dạy thêm ôn thi Tốt nghiệp THPT năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT XUÂN TRƯỜNG B

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về việc công bố công khai phân bổ, giao dự toán chi NSNN năm 2026 để hỗ trợ kinh phí tổ chức dạy thêm ôn thi Tốt nghiệp THPT năm học 2025-2026(theo biểu đính kèm), tại bảng tin tầng 1 và trên cổng thông tin điện tử của trường THPT Xuân Trường B ít nhất 30 ngày kể từ ngày 16/06/2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ nhà trường chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN XUÂN TRÀ

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-THPTXTB ngày 15/06/2026 của Trường THPT Xuân Trường B)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	192.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	192.000
1	Chi quản lý hành chính	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	192.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	192.000